

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2023/HS-PT**

Ngày: 21/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- **Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông [Huỳnh Nguyên](#) .

Các Thẩm phán: Ông Trần Tỷ,

Ông Vũ Văn Thuấn.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà:** Bà Võ Thị Ngọc Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 39/2023/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo [Lê Thị Thảo N](#), do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

[Lê Thị Thảo N](#) (tên gọi khác: [T](#)); sinh ngày 08/3/1990 tại tỉnh Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT: [Tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum](#). Nơi ở : [Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum](#). Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Lê Ngọc C](#) (đã chết) và bà [Trương Thị P](#), sinh năm 1966; gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; có chồng là [Nguyễn Hữu C1](#) (đã ly hôn năm 2018), có một con là [Nguyễn Bảo A](#), sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2022, đến nay có mặt tại phiên toà.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ [Công ty TNHH X](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Trần Ngọc A1](#) - Giám đốc.

Địa chỉ: [F H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum](#). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bà [Trần Thị V](#), sinh năm 1978; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: [Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum](#).

3/ Ông [Nguyễn Kim T1](#), sinh năm 1983; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

4/ [Công ty TNHH MTV L1](#);

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Võ Hồng H](#); Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông [Nguyễn Kim T1](#), sinh năm 1983; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum](#)

2/ Ông [Phạm Hùng C2](#), sinh năm 1966; Vắng mặt

Địa chỉ: [Thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

3/ Anh [Phạm Hùng Phương D](#), sinh năm 1995; Vắng mặt

Địa chỉ: [Thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

4/ Anh [Đinh Văn T2](#), sinh năm 1981; Vắng mặt

Địa chỉ: [Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

5/ Anh [A T3](#), sinh năm 1995; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

6/ Anh [A T4](#), sinh năm 1998; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

7/ Anh [A M](#), sinh năm 1996; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

8/ Anh [A H1](#), sinh năm 1993; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

9/Anh [A K](#), sinh năm 2005; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

10/ Anh [A Đ](#), sinh năm 1992; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

11/ Anh [A M1](#), sinh năm 1993; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

12/ Anh [A H2](#), sinh năm 1999; Có mặt

Địa chỉ: [Thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).

- 13/ Anh [Nguyễn Văn H3](#), sinh năm 1993; Vắng mặt
Địa chỉ: [Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- 14/ Anh [Hà Văn D1](#), sinh năm 1987; Có mặt
Địa chỉ: [Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- 15/ Anh [A L](#), sinh năm 1997; Có mặt
Địa chỉ: [Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- 16/ Anh [Đinh A H4](#), sinh năm 1988; Có mặt
Địa chỉ: [Thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- 17/ Anh [A V1](#), sinh năm 1996; Có mặt
Địa chỉ: [Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- 18/ Anh [A T5](#), sinh năm 2003; Vắng mặt
Địa chỉ: [Thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- 19/ Bà [Hoàng Thị H5](#), sinh năm 1985; Vắng mặt
Địa chỉ: [Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- 20/ Ông [Nguyễn Tiến H6](#), sinh năm 1980; Vắng mặt
Địa chỉ: [Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- 21/ Ông [Nguyễn Văn T6](#), sinh năm 1987; Vắng mặt
Địa chỉ: [Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum](#).
- Người tham gia tố tụng khác: Ông [Hò Công V2](#) - Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp; Vắng mặt
Địa chỉ: [Chi cục Kiểm lâm tỉnh K](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi tàng trữ trái phép gỗ của bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện K](#) tiếp nhận tin báo của [Công an xã T, huyện K](#) về việc phát hiện khoảng 100 hộp, lóng gỗ (chưa rõ khối lượng, chủng loại) được cất giấu tại vườn nhà ông [Nguyễn Kim T1](#) thuộc [thôn B, T, huyện K](#). [Công an huyện K](#) phối hợp với Hạt Kiểm lâm [huyện K, Công an xã T](#) tiến hành kiểm tra, xác minh, phát hiện có tổng cộng 109 hộp gỗ xẻ và 03 lóng gỗ tròn được cất giấu tại vườn nhà ông [T1](#). Tại thời điểm kiểm tra không xác định được chủ sở hữu và nguồn gốc lâm sản nên liên ngành Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện K](#) và [Hạt kiểm lâm huyện K](#) tiến hành lập lý lịch và tạm giữ toàn bộ số gỗ trên để phục vụ quá trình điều tra, xác minh.

Ngày 22/02/2019, bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện K](#) nhận là chủ sở hữu số lâm sản bị tạm giữ ngày 16/02/2019 tại vườn nhà ông [Nguyễn Kim T1](#) thuộc [thôn B, T, huyện K](#). Đồng thời cung cấp một bộ hồ sơ lâm sản để chứng minh mình là chủ sở hữu số lâm sản nêu trên, gồm: 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0009390 ngày 14/02/2019; 01 hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT ngày 08/02/2019; 01 Hợp đồng vận chuyển hàng hóa ngày 08/02/2019; 01 Phiếu xuất kho ngày 08/02/2019; 01 Bảng kê lâm sản số 19/07; 01 Biên bản thu hồi hóa đơn đã lập số 01022019/BBTHHD ngày 08/02/2019; 01 Bộ hồ sơ chứng minh nguồn đầu vào của số gỗ xuất bán ngày 08/02/2019. Bị cáo khai nhận số lâm sản trên mua từ [Công ty TNHH X](#) ở [huyện Đ, tỉnh Kon Tum](#), mục đích mua gỗ về làm nhà. Do không có chỗ để gỗ nên bị cáo xin ông [T1](#) để gỗ tại vườn của ông [T1](#) và được ông [T1](#) đồng ý.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 08/01/2020 của [Chi cục Kiểm Lâm tỉnh K](#) kết luận:

- Đối với khối lượng gỗ tạm giữ: Tổng khối lượng gỗ xẻ tạm giữ tại [Công an huyện K](#) là: $20,9535\text{m}^3$, quy ra gỗ tròn là $33,1139\text{m}^3$.

- Chung loại gỗ yêu cầu giám định: Mẫu gỗ cần giám định mang mã số M1 được xác định là “Thông Tre”, nhóm I. Mẫu gỗ cần giám định mang mã số M2 được xác định là “Trám Hồng”, nhóm VI. Mẫu gỗ cần giám định mang mã số M3 được xác định là “Gội Tẻ”, nhóm V. Mẫu gỗ cần giám định mang mã số M4 được xác định là “Giổi”, nhóm III.

Quá trình điều tra, bị cáo đều thừa nhận mình là chủ sở hữu số lâm sản gỗ bị tạm giữ ngày 16/02/2019 tại vườn nhà ông [Nguyễn Kim T1](#). Đồng thời cung cấp bộ hồ sơ lâm sản do [Công ty TNHH X](#), địa chỉ tại [tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum](#) xuất bán để chứng minh nguồn gốc số lâm sản này là hợp pháp và không thừa nhận số lâm sản này [N](#) tàng trữ là trái phép. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được có đủ cơ sở chứng minh bộ hồ sơ [N](#) sử dụng là bất hợp pháp và lâm sản [N](#) tàng trữ là trái phép, cụ thể:

- Bảng kê lâm sản không được lập theo mẫu được quy định tại Thông tư 27/2018; mỗi trang bảng kê không ghi tổng số lượng, khối lượng và cũng không có chữ ký của chủ lâm sản.

- Hóa đơn Giá trị gia tăng có dấu hiệu tẩy xóa ngày; tên hàng hóa là gỗ xẻ các nhóm III, IV, V nhưng bảng kê lâm sản không thể hiện số hiệu, nhãn đánh dấu hàng hóa này là các nhóm III, IV, V; Hàng hóa xuất bán có khối lượng $15,8\text{m}^3$ nhưng tại Bảng kê lâm sản ghi tổng khối lượng $17,572\text{m}^3$.

- Nguồn gốc lâm sản đầu vào để [Công ty TNHH X](#) xuất bán ra theo hợp đồng ghi tên bị cáo [N](#) có từ hai nguồn gồm: [Công ty CP D3](#) (Hóa đơn số 0088828, ngày 02/02/2018) và [Công ty TNHH MTV H8](#) (Hóa đơn số 0001306, ngày

06/05/2017).Tiến hành đối chiếu, so sánh về số lượng, khối lượng, chủng loại của hồ sơ lâm sản đầu vào từ [Công ty TNHH MTV H8](#) và [Công ty cổ phần D3](#) đều không phù hợp, đầu vào không có gỗ [T7](#) nhưng đầu ra vẫn có gỗ [T7](#) để xuất bán, thể hiện tại Biên bản kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ lâm sản lập ngày 3/4/2020.

- Kết quả xác minh xác định tại [H huyện Đ, tỉnh Kon Tum](#) xác định: Ngày 23/09/2019, tổ kiểm tra liên ngành quản lý bảo vệ rừng [huyện Đ](#) đã tiến hành kiểm tra việc kinh doanh, chế biến lâm sản của [Công ty TNHH X](#) thể hiện (từ ngày 22/01/2019 đến ngày 23/09/2019) lâm sản xuất ra trong kỳ của [Công ty X](#) từ 02 nguồn là [Công ty TNHH MTV H8](#) là 7,500 m³ (gỗ tròn) và [Công ty Cổ phần D3](#) là 3,977 m³ (gỗ xẻ). Như vậy, tổng khối lượng gỗ xuất ra trong kỳ là 11, 477 m³, không phù hợp và ít hơn thực tế khối lượng gỗ xuất ra tại hóa đơn giá trị gia tăng số 0009390 ngày 14/02/2019 đã xuất bán là 15,8 m³ (ít hơn 4,323 m³).

- Đối chiếu về chủng loại, kích thước, khối lượng giữa hồ sơ lâm sản do [Công ty TNHH X](#) nhập vào và xuất bán do bà [N](#) cung cấp đều không trùng khớp, cụ thể:

+ Trong hồ sơ [Công ty X](#) xuất ra (do bà [N](#) cung cấp) có chủng loại gỗ [T7](#) (02 bộ hồ sơ đầu vào không có gỗ [T7](#)).

+ Đối chiếu với chủng loại gỗ Giỏi, trong hồ sơ đầu vào chỉ có 09 hộp gỗ xẻ với khối lượng là 1,169 m³. Nhưng trong hồ sơ, bảng kê lâm sản mà [Công ty TNHH X](#) xuất ra bán có tổng cộng 71 hộp gỗ xẻ, khối lượng là 4,128 m³ (Khối lượng gỗ Giỏi đầu vào ít hơn khối lượng đầu ra là 2,959 m³).

+ Đối với chủng loại gỗ Sến, trong hồ sơ đầu vào, bảng kê lâm sản chỉ có 05 hộp gỗ xẻ với khối lượng là 0,451 m³. Nhưng trong hồ sơ, bảng kê lâm sản xuất ra có tổng cộng 21 hộp gỗ xẻ với khối lượng là 1,838 m³ (Khối lượng gỗ Sến đầu vào ít hơn khối lượng đầu ra 1,387 m³).

- Đối chiếu về số lượng, chủng loại, quy cách, nhóm gỗ, kích thước, khối lượng giữa hồ sơ lâm sản do [Lê Thị Thảo N](#) cung cấp ngày 22/02/2019 với Bảng kê khối lượng gỗ tang vật, Kết luận giám định tư pháp ngày 08/01/2020 của [Chi cục Kiểm lâm tỉnh K](#) giám định khối lượng, chủng loại gỗ phát hiện, thu giữ ngày 16/02/2022 tại vườn nhà ông [Đinh Văn T8](#) ở [thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum](#). Cụ thể:

+ Hồ sơ do [Lê Thị Thảo N](#) cung cấp có 120 hộp, lóng, thanh gỗ, khối lượng là 17.527 m³ gồm chủng loại: **Thông**, [D2](#), [S](#), [G](#) thuộc các nhóm III, IV, V nhưng số lâm sản thực tế liên ngành phát hiện, thu giữ gồm 112 hộp, lóng gỗ (109 hộp gỗ xẻ, 03 lóng gỗ tròn), khối lượng là 20.9536 m³ gồm [T7](#) tre, [T9](#) hồng, [G1](#) tẻ, **Giỏi** nhóm I, III, V, VI. Không phù hợp về số lượng, khối lượng, chủng loại lâm sản.

Để chứng minh hành vi tàng trữ gỗ bất hợp pháp của [Lê Thị Thảo N](#), Cơ quan điều tra đã điều tra, xác định được một số đối tượng khai thác gỗ trái phép về bán

lại cho [Lê Thị Thảo N](#); một số đối tượng được [Lê Thị Thảo N](#) thuê bốc xếp, vận chuyển gỗ về tập kết tại vườn nhà ông [Nguyễn Kim T1](#), như sau:

Khoảng đầu năm 2019, [Lê Thị Thảo N](#) đến địa bàn [thôn E, thôn F xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#) liên hệ các đối tượng khai thác trái phép lâm sản (gỗ) để mua. Khi biết [N](#) thu mua gỗ, [A T3](#) rủ [A K](#), [A M](#), [A T4](#) và [A Đ](#) khu vực [lô C](#), [khoảnh 8, tiểu khu D](#) lâm phần rừng tự nhiên do [Công ty TNHH MTV L1](#) quản lý, bảo vệ dùng cưa máy cưa phần gỗ từ gốc cây Giỏi đã bị cưa hạ từ trước được 05 hộp gỗ; [A Đ](#) rủ [A M1](#) và [A H2](#) đến khu vực [lô A](#), [khoảnh 9, tiểu khu D](#) lâm phần rừng trồng do [Công ty TNHH MTV L1](#) quản lý dùng cưa máy cưa phần gỗ từ gốc cây Giỏi đã bị cưa hạ từ trước được 04 hộp gỗ rồi dùng xe chở gỗ về nhà cất giấu. Sau đó, điện thoại cho [N](#) đến để bán gỗ; [N](#) đến trực tiếp đo, mua 05 hộp gỗ của nhóm [A T3](#) với giá 3.000.000 đồng; mua 04 hộp gỗ của nhóm [A Đ](#) với giá 2.000.000 đồng. Trong thời gian này, [N](#) đến nhà [Nguyễn Văn H3](#) hỏi mua gỗ [G](#); tại nhà [H3](#) có khoảng 21-22 hộp gỗ Giỏi được [H3](#) cùng [Hà Văn D1](#) và [A L](#) khai thác trái phép tại [lô 2, khoảnh E, tiểu khu D](#) lâm phần rừng tự nhiên do [Công ty TNHH MTV L1](#) quản lý, bảo vệ; [N](#) đo và mua số gỗ này với giá 6.000.000 đồng. Ngoài ra, [N](#) còn thu mua gỗ từ các đối tượng khai thác trái phép khác, gửi tại nhà ông [Đinh Văn H7](#) khoảng 10 hộp gỗ Giỏi có kích thước khoảng 1,2m x 0,2m x 0,4m.

Đến khoảng 21 giờ ngày 26/01/2019, [N](#) gọi điện cho [A T3](#) nói chở gỗ đến bãi đất trống cách nhà ông [Phạm Hùng C2](#) khoảng 100m tại [thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#) để xe chở gỗ đi. Nhóm của [A T3](#) sử dụng 05 xe mô tô độ chế chở 05 hộp gỗ mà nhóm đã khai thác trước đó đến vị trí tập kết, sau đó được [N](#) thuê chở 04 hộp gỗ từ nhà [A Đ](#) và thuê [A V1](#) và [A T5](#) chở gỗ từ nhà [Đinh A H4](#) đến bãi tập kết.

Khi gỗ được đưa đến điểm tập kết, [N](#) thuê ông [Phạm Hùng C2](#) và [Phạm Hùng Phương D](#) chở số gỗ này đến [thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum](#). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, [D](#) (con trai ông [C2](#)) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 82C-021.31 của gia đình từ nhà đến bãi tập kết để [A T3](#), [A M](#), [A T4](#), [A H1](#), [A V1](#), [A T5](#) và một số đối tượng khác bốc xếp gỗ lên xe. Do xe ô tô bị xếp hơi không thể chở hết số gỗ tại bãi nên ông [C2](#) đưa số điện thoại của [Đinh Văn T2](#) để [N](#) gọi thuê chở gỗ; ông [T2](#) đồng ý và điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81C-014.90 đi từ nhà đến [thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum](#). Đến khoảng 02 giờ ngày hôm sau, khi xe của ông [T2](#) đến thì [A T3](#), [A M](#), [A T4](#), [A H1](#), [A V1](#), [A T5](#) bốc số gỗ còn lại tại bãi lên xe ông [T2](#) và chuyển khoảng 10 hộp gỗ từ xe Du qua xe ông [T2](#). Toàn bộ gỗ tại bãi được bốc xếp lên 02 xe ô tô, mỗi xe khoảng hơn 20 hộp gỗ với khối lượng khoảng 4,5 - 5m³, ngoài ra có 03 lóng gỗ tròn được xẻ 08 cạnh kích thước khoảng (1m x 40cm).

Ngoài gỗ G2, N mua của các đối tượng tại địa bàn xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum thì N còn thu mua gỗ T7 tre, G1 tế, T9 hồng từ các nơi khác và vận chuyển về tập kết tại vườn nhà ông Nguyễn Kim T1.

Ngày 01/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K trưng cầu Giám định viên lâm nghiệp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh K giám định chủng loại 04 (bốn) mẫu gỗ ký hiệu 01HT, 02aHT, 02bHT, 03HT thu giữ tại hiện trường khai thác gỗ trái phép của các đối tượng nêu trên.

Tại kết luận giám định tư pháp ngày 08/11/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh K về việc giám định mẫu gỗ kết luận:

- Mẫu gỗ có ký hiệu 01HT có chủng loại *Giổi găng*, thuộc nhóm III, loài thực vật rừng thông thường.

- Mẫu gỗ có ký hiệu 02aHT, 02bHT, 03HT có chủng loại *Giổi*, thuộc nhóm III, loài thực vật rừng thông thường.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Kim T1 khai nhận vào khoảng đầu tháng 02/2019, Lê Thị Thảo N đặt vấn đề xin đồ gỗ tại vườn nhà ông đồng thời cho ông T1 xem bộ hồ sơ lâm sản để chứng minh nguồn gốc lâm sản là hợp pháp nên được ông đồng ý. Ngoài ra, ông còn khai nhận: trực tiếp nhìn thấy Nguyễn Văn T6 điều khiển xe máy cày loại trên 5000 mã lực chở 01 chuyến gỗ tròn, loại gỗ tạp, chiều dài khoảng hơn 04m, đường kính khoảng 30cm–40cm với khối lượng khoảng 04m³ đến đồ tại vườn nhà ông.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 109 hộp gỗ xẻ (có lý lịch gỗ kèm theo).

- 03 lóng gỗ tròn (đã qua sơ chế, có lý lịch gỗ kèm theo).

- 01 bộ hồ sơ lâm sản gồm: 01 (một) Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009390 lập ngày 14/02/2019; 01 (một) Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT ngày 08/02/2019; 01 (một) Phiếu xuất kho ngày 08/02/2019; 01 (một) Bảng kê lâm sản số 19/07 ngày 08/02/2019; 01 (một) Hợp đồng vận chuyển hàng hóa ngày 08/02/2019; 01 (một) Biên bản thu hồi hóa đơn đã lập số 01022019/BBTHHĐ ngày 08/02/2019.

Đối với các vật chứng gồm: 109 (một trăm lẻ chín) hộp gỗ xẻ và 03 (ba) lóng gỗ tròn (Khối lượng quy tròn là 33,1139 m³, chủng loại *Giổi*, T, G1 tế, T7 tre) đã được bán đấu giá với số tiền **166.000.000** đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và một điện thoại di động.

Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy đã xét xử sơ thẩm và quyết định như sau:

Tuyên bố: bị cáo Lê Thị Thảo N phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”

- **Về hình phạt:** Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/8/2022.

Đối với [A T3](#), [A T4](#), [A M](#), [A K](#), [A H1](#), [A Đ](#), [A H2](#), [A M1](#), [Nguyễn Văn H3](#), [A L](#), [Hà Văn D1](#): Đây là các đối tượng đã có hành vi khai thác lâm sản trái phép sau đó vận chuyển về bán cho bị cáo [N](#). Tổng khối lượng gỗ các đối tượng khai thác khoảng 1,5m³ (quy gỗ tròn khoảng 2,4m³) nhỏ hơn mức định lượng tối thiểu xử lý hình sự loài thực vật thông thường quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự và tại thời điểm thực hiện hành vi mua bán trái phép lâm sản chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về tội như trên nên chưa đủ căn cứ để xử lý các đối tượng trên về tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Tuy nhiên, các đối tượng thực hiện hành vi vận chuyển trái phép vào thời điểm tháng 02/2019 đến nay đã quá thời hạn xử phạt vi phạm hành chính, Cơ quan điều tra không xử phạt các đối tượng này là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với [Phạm Hùng C2](#), [Phạm Hùng Phương D](#), [Đinh Văn T2](#): đây là các đối tượng đã có hành vi vận chuyển lâm sản trái phép cho bị cáo [N](#). Tuy nhiên, các đối tượng thực hiện hành vi vận chuyển trái phép vào thời điểm tháng 02/2019 đến nay đã quá thời hạn xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không xử phạt các đối tượng này là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2023, bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) kháng cáo toàn bộ vụ án, lý do: bản án sơ thẩm xét xử không đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến: bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và chủ thể kháng cáo. Về nội dung: Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xét xử bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) 30 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Lê Thị Thảo N](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Các hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Tòa án sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) đảm bảo về thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Trên cơ sở các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

Bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) thừa nhận lâm sản do [Công an huyện K](#) tạm giữ ngày 16/02/2019 tại vườn nhà ông [Nguyễn Kim T1](#) là lâm sản của bị cáo và cung cấp bộ hồ sơ lâm sản do [Công ty TNHH X](#) địa chỉ tại [tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum](#) xuất bán để chứng minh nguồn gốc số lâm sản này. Tuy nhiên, hồ sơ lâm sản do bị cáo cung cấp và số gỗ thu được tại vườn nhà ông [Nguyễn Kim T1](#) không phù hợp về chủng loại, khối lượng. Đại diện [Công ty TNHH X](#) nhận dạng lô gỗ mà [Công an huyện K](#) tạm giữ ngày 16/02/2019 không phải là lô gỗ mà [Công ty TNHH X](#) đã bán cho ông [T10](#) (người đứng mua hàng và trả tiền). Những người làm chứng: [A T3](#), [A K](#), [A T4](#), [A H1](#), [A Đ](#), [A M1](#), [A H2](#), [Nguyễn Văn H3](#), [Hà Văn D1](#) và [A L](#) đều khai rằng: khoảng đầu năm 2019 sau khi bị cáo [N](#) có liên hệ để mua gỗ, họ đã khai thác gỗ Giỏi tại khu vực: lô 3 khoảnh 8, lô 2 khoảnh 5 [tiểu khu D](#) lâm phần rừng tự nhiên, lô 1 khoảnh 9, [tiểu khu D](#) lâm phần rừng trồng do [Công ty TNHH MTV L1](#) về bán lại cho [N](#). Ông [Đinh Văn T2](#) và anh [Phạm Hùng Phương D](#) thừa nhận: Khoảng ngày 26/01/2019 được [N](#) thuê chở khoảng 20 hộp gỗ từ [xã Đ](#) đến vườn nhà ông [Nguyễn Kim T1](#) tại [xã T, huyện K](#).

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của [Công ty TNHH MTV L1](#) là bị hại trong vụ án là chưa chính xác vì:

+ Hành vi khai thác gỗ của các đối tượng [A T11](#), [A T4](#), [A M](#), [A K](#), [A H1](#), [A Đ](#), [A H2](#), [A M1](#), [A L](#), [Nguyễn Văn H3](#), [Hà Văn D1](#) tại lâm phần do [Công ty TNHH](#)

[MTV L1](#) quản lý, sau đó bán lại cho bị cáo [N](#) trong vụ án này chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công ty này không phải là bị hại theo quy định tại Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự, mà khách thể xâm phạm trong vụ án là trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực lâm sản.

+ Việc CQĐT tiến hành điều tra hành vi khai thác gỗ của các đối tượng này và hành vi vận chuyển của các đối tượng [Phạm Hùng C2](#), [Phạm Hùng Phương D](#), [Đinh Văn T2](#) để làm căn cứ chứng minh cho hành vi tàng trữ gỗ của bị cáo trong vụ án.

Do đó, cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng của [Công ty TNHH MTV L1](#) trong vụ án là người có quyền nghĩa vụ liên quan, cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm về nội dung này.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của Nhà nước, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép lâm sản là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) không phải chịu tình tiết tăng nặng, bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo [N](#) có thu nhập không ổn định, hiện đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cấp sơ thẩm đã xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối tượng [Nguyễn Văn T6](#) có hành vi giúp sức cho bị cáo [N](#) thực hiện hành vi tàng trữ lâm sản trái phép trong vụ án này, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, củng cố tài liệu, chứng cứ để xử lý theo pháp luật.

Qua những phân tích trên, Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm k khoản 1

Điều 232 của Bộ luật Hình sự và xử phạt 30 tháng tù là đúng. Kháng cáo của bị cáo không có căn cứ nên không được chấp nhận, HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hình sự: Bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo đề ngày 11/5/2023 của bị cáo [Lê Thị Thảo N](#).

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) (tên gọi khác: [T](#)) phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) **30 (Ba mươi)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/8/2022.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền: 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) theo Ủy nhiệm chi ngày 26/12/2022, đơn vị trả tiền : [Công an huyện K](#) tài khoản số 3949.0.9055279.00000; đơn vị nhận tiền: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy, tài khoản số 3949.0.1047751.00000 tại [Kho bạc nhà nước huyện K](#).

Trả lại cho bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) 01 (một) phong bì thư niêm phong mặt trước phong bì có chữ [Công an tỉnh K](#) - Phòng kỹ thuật hình sự số 207/KL-KTHS ngày 13/11/2022; mặt sau phong bì thư tại vị trí mép dán phong bì có 03 dấu tròn đỏ ghi “[Công an tỉnh K](#) - Phòng kỹ thuật hình sự ” và chữ ký ghi họ tên [Võ Hoàng N1](#), [Nguyễn Hữu T12](#). Bên trong phong bì thư có chứa 01 điện thoại di động.

(Tất cả vật chứng nêu trên đều theo như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/12/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra [Công an huyện K](#) và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy).

Lưu hồ sơ vụ án: 01 Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009390 lập ngày 14/02/2019; 01 Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT ngày 08/02/2019; 01 Phiếu xuất kho ngày 08/02/2019; 01 Bảng kê lâm sản số 19/07 ngày 08/02/2019; 01 Hợp đồng vận chuyển hàng hóa ngày 08/02/2019; 01 Biên bản thu hồi hóa đơn đã lập số 01022019/BBTHHĐ ngày 08/02/2019.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

Bị cáo [Lê Thị Thảo N](#) phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/8/2023).

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND, TAND, Công an huyện Kon Rẫy;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Trại tạm giam
- Bị cáo; NTGTT
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyên

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Tiến Tăng

Vũ Văn Thuấn

Huỳnh Nguyên

